

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-PT  
Ngày 28 - 01 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân H

*Các Thẩm phán:*

Bà Đỗ Thị T

Bà Nguyễn Thị Hoài X

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị T là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ G – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S; trú tại: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Khoa; trú tại: Số 142 H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Huy T; địa chỉ liên hệ: Tổ 12, khu vực 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn K (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 02/7/2020 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn V) (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị H; trú tại: trú tại: Số 142 H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Huy T; địa chỉ liên hệ: Tổ 12, khu vực 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình

Định là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị H (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Bình Định) (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Thành H; trú tại: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:*

Vào năm 2018, vợ chồng ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H có vay tiền của vợ chồng bà để đáo hạn ngân hàng, hình thức vay là có thời hạn và lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng; cụ thể như sau:

- Ngày 14/02/2018 (Âm lịch) vay 200.000.000 đồng, đã trả lãi được 17 tháng (từ ngày 14/3/2018 âm lịch đến ngày 14/7/2019 âm lịch) số tiền 102.000.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

- Ngày 02/3/2018 (Âm lịch) vay 110.000.000 đồng, đã trả lãi được 16 tháng (từ ngày 02/4/2018 âm lịch đến ngày 02/7/2019 âm lịch) số tiền 52.800.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

- Ngày 12/3/2018 (Âm lịch) vay 150.000.000 đồng, đã trả lãi được 16 tháng (từ ngày 12/4/2018 âm lịch đến ngày 12/7/2019 âm lịch) số tiền 72.000.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

- Ngày 29/7/2018 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng, đã trả lãi được 11 tháng (từ ngày 29/8/2018 âm lịch đến ngày 29/6/2019 âm lịch) số tiền 99.000.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

- Ngày 04/02/2019 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng, đã trả lãi được 05 tháng (từ ngày 04/3/2019 âm lịch đến ngày 04/7/2019 âm lịch) số tiền 45.000.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc.

- Ngày 08/7/2019 (Âm lịch) vay hai lần, tổng cộng 700.000.000 đồng, chưa trả tiền vay gốc và tiền lãi.

- Từ tháng 7/2019 (Âm lịch) đến tháng 12/2019 (Âm lịch), vợ chồng ông Khoa và bà Hà đã trả thêm được 437.000.000 tiền lãi, chưa trả tiền vay gốc.

Bà xác định là hiện nay, vợ chồng ông K, bà H còn nợ bà tổng số tiền là 1.760.000.000 đồng; do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông K, bà H có nghĩa vụ trả cho bà một lần số tiền vay nói trên và bà yêu cầu tính lãi 03%/tháng kể từ tháng 12/2019 (Âm lịch) cho đến khi ông K, bà H trả nợ xong.

*Bị đơn ông Đặng Văn K trình bày:*

Từ năm 2016 đến tháng 7/2019 ông có vay tiền của bà Phạm Thị S nhiều lần, trong đó có nhiều khoản vay đã viết lại giấy vay vào năm 2018; hình thức vay là không kỳ hạn, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng với nhau, mục đích là cho người khác vay lại. Cụ thể việc vay mượn như sau:

- Ngày 14/02/2018 (Âm lịch) vay 200.000.000 đồng.
- Ngày 02/3/2018 (Âm lịch) vay 110.000.000 đồng.
- Ngày 12/3/2018 (Âm lịch) vay 150.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2018 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng.
- Ngày 04/02/2019 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng.
- Ngày 08/7/2019 (Âm lịch) vay hai lần, tổng cộng 700.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay ngày 14/02/2018 (Âm lịch), ngày 02/3/2018 (Âm lịch) và ngày 12/3/2018 (Âm lịch) lãi suất là 4,5%/tháng; các khoản vay khác trả lãi từ 2.000 đồng đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đều trả lãi đến hết tháng 7/2019 (Âm lịch).

Vợ ông là bà Võ Thị H không biết việc vay tiền nói trên giữa ông và bà S. Cho đến tháng 7/2019 (Âm lịch), do không có khả năng trả lãi hàng tháng nên bà S đã báo cho bà H biết và bà S yêu cầu bà H ký thêm vào dưới chữ ký của ông trong giấy vay ngày 29/7/2018 (Âm lịch). Khoản vay ngày 29/7/2018 (Âm lịch), ông đã trả xong tiền gốc 300.000.000 đồng; cụ thể: Ngày 13/7/2019 (Âm lịch) trả 30.000.000 đồng, ngày 26/7/2019 (Âm lịch) trả 100.000.000 đồng, ngày 15/8/2019 (Âm lịch) trả 20.000.000 đồng, ngày 16/8/2019 (Âm lịch) trả 10.000.000 đồng, ngày 17/8/2019 (Âm lịch) trả 40.000.000 đồng, ngày 22/8/2019 (Âm lịch) trả 50.000.000 đồng, ngày 30/8/2019 (Âm lịch) trả 30.000.000 đồng, ngày 14/9/2019 (Âm lịch) trả 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông còn trả cho bà S 137.000.000 đồng tiền gốc các khoản vay khác, cụ thể: Ngày 06/9/2019 (Âm lịch) trả 30.000.000 đồng, ngày 24/9/2019 (Âm lịch) trả 30.000.000 đồng, ngày 28/9/2019 (Âm lịch) trả 20.000.000 đồng, ngày 07/10/2019 (Âm lịch) trả 15.000.000 đồng, ngày 27/11/2019 (Âm lịch) trả 2.000.000 đồng, ngày 27/12/2019 (Âm lịch) trả 30.000.000 đồng, ngày 09/8/2019 (Âm lịch) trả 10.000.000 đồng (do con gái bà S nhận).

Ông thống nhất trả số tiền vay gốc còn lại là 1.300.000.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định để trừ vào số tiền vay gốc còn nợ; sau khi cân trừ, số tiền vay gốc ông còn phải trả là 899.800.000 đồng. Do bà H không biết việc vay tiền giữa ông và bà S nên ông xin được tự trả dần số tiền nợ nói trên và yêu cầu không tiếp tục tính lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ tháng 7/2019 cho đến nay.

Trong quá trình vay mượn tiền, ông có đưa cho bà S bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02650/QSDĐ.I5 ngày 30/9/2008 do Ủy ban nhân dân

huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) đã cấp cho vợ chồng ông để làm tin và bà H không biết. Nay ông yêu cầu bà S trả lại giấy chứng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho vợ chồng ông vì đây không phải là tài sản thế chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Thành H trình bày:*

Ông là chồng của bà Phạm Thị S; ông thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà S. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị H trình bày:*

Bà là vợ ông Đặng Văn K; bà không biết việc vay tiền giữa ông K và bà S vì ông K vay tiền để cho người khác vay lại chứ không sử dụng vào mục đích gia đình. Vào tháng 7/2019 (Âm lịch), do ông K gặp khó khăn về tiền bạc nên bà S đã đưa cho bà giấy vay tiền ngày 29/7/2018 (Âm lịch) đã có chữ ký của ông K và bà S đề nghị bà ký thêm vào dưới chữ ký của ông K. Đối với khoản vay nói trên, vợ chồng bà đã trả xong cho bà S. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S về việc vợ chồng bà có nghĩa vụ trả nợ cho bà S. Ngoài ra, bà không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2020/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định đã quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S. Buộc ông Đặng Văn K, bà Võ Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị S, ông Nguyễn Thành H số tiền vay gốc còn nợ là 1.309.933.000 đồng và 155.038.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.464.971.000 đồng.

- Bác yêu cầu của ông Đặng Văn K xin được trả dần tiền vay mỗi tháng 10.000.000 đồng và không tính lãi chậm trả vì không phù hợp với quy định pháp luật và không được bà Phạm Thị S chấp nhận.

- Yêu cầu của ông Đặng Văn K, bà Võ Thị H đề nghị buộc bà Phạm Thị S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2020, ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H đã có đơn kháng cáo nộp qua đường bưu điện; nội dung đơn kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S về việc buộc bà H liên đới cùng với ông K trả nợ cho vợ chồng bà S, tính lại số tiền lãi ông K đã trả cho bà S vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật để trừ vào nợ gốc và buộc vợ chồng bà S trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02650/QSDĐ.I5 ngày 30/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) đã cấp cho ông K và bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Huy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông K và bà H, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà S và ông Nguyễn Thành H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông K và bà H; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông K và bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H; sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bà H và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H số tiền gốc và tiền lãi theo quy định đối với khoản vay ngày 29/7/2018 (Âm lịch), các khoản vay còn lại ông K có nghĩa vụ trả cho bà S và ông H số tiền gốc và tiền lãi theo quy định, buộc bà S và ông H phải hoàn trả lại cho ông K và bà H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02650/QSDĐ.15 ngày 30/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) cấp cho ông K và bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Từ năm 2016 đến tháng 7/2019, ông Đặng Văn K đã nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị S; về thời gian và số tiền vay, bà S và anh K đều thống nhất như sau:

- Ngày 14/02/2018 (Âm lịch) vay 200.000.000 đồng.
- Ngày 02/3/2018 (Âm lịch) vay 110.000.000 đồng.
- Ngày 12/3/2018 (Âm lịch) vay 150.000.000 đồng.
- Ngày 29/7/2018 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng.
- Ngày 04/02/2019 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng.
- Ngày 08/7/2019 (Âm lịch) vay hai lần, tổng cộng 700.000.000 đồng.

Các giấy vay tiền do bà S cung cấp đều không thể hiện mức lãi suất và thời hạn trả nợ; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các hợp đồng vay giữa ông K với bà S là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi là phù hợp.

[2] Việc vay mượn giữa ông K và bà S kéo dài từ năm 2016 đến tháng 7/2019 với nhiều lần vay, viết các giấy vay khác nhau. Trong số các giấy vay giữa ông K

và bà S chỉ có giấy vay ngày 29/7/2018 (Âm lịch) vay 300.000.000 đồng là có chữ ký của bà H, còn các giấy vay khác chỉ có mình ông K ký tên.

Bà S cho rằng bà H biết việc vay mượn giữa ông K với bà vì bà S và ông K là hàng xóm với nhau, từ năm 2016 đến tháng 7/2019 ông K đã nhiều lần vay tiền của bà S để cho người khác vay lại và trong khoảng thời gian nói trên, vợ chồng ông K và bà H vẫn chung sống với nhau trong một nhà; giao dịch vay tiền, nhận tiền, trả tiền vay có lúc thực hiện tại nhà bà S, có lúc tại nhà ông K, có lúc tại quán café. Tuy nhiên, ông K và bà H không thừa nhận nội dung trình bày nói trên của bà S và chỉ thừa nhận là bà H biết khoản vay 300.000.000 đồng ngày 29/7/2018 (Âm lịch) vì có chữ ký của bà H, còn các khoản vay khác của ông K với bà S thì bà H không biết vì ông K sử dụng số tiền vay mượn của bà S với mục đích cho người khác vay lại chứ không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Ngoài giấy vay ngày 29/7/2018 (Âm lịch) thì bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà H biết việc ông K vay mượn tiền của bà.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và bà H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà S buộc bà H có nghĩa vụ liên đới cùng với ông K trả nợ cho bà S; sửa bản án sơ thẩm về phần này; buộc ông K và bà H có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc và lãi cho bà S và ông H đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 29/7/2018 (Âm lịch)

[3] Bà S cho rằng lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng; ông K cho rằng đối với các khoản vay ngày 14/02/2018 (Âm lịch), ngày 02/3/2018 (Âm lịch) và ngày 12/3/2018 (Âm lịch) lãi suất là 4,5%/tháng, các khoản vay khác trả lãi từ 2.000 đồng đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; tuy nhiên, không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung trình bày nói trên của mình. Như vậy, trong trường hợp này, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, tức 10%/năm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất là không đúng quy định; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và bà H về phần này, sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi suất.

[4] Ông K và bà H chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần tính lãi suất và ông K cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho số tiền mà ông K đã trả cho bà S; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần tính lãi và công nhận số tiền mà ông K đã trả cho bà S được bà S thừa nhận.

Tổng số tiền ông K đã vay của bà S là 1.760.000.000 đồng; bà S cũng đã thừa nhận là ông K đã trả lãi các khoản vay nói trên cho đến tháng 7/2019 (Âm lịch) là 370.800.000 đồng (Trong đó khoản vay ngày 29/7/2018 (Âm lịch) đã trả được 99.000.000 đồng tiền lãi); từ tháng 7/2019 (Âm lịch) đến tháng 12/2019 (Âm lịch), ông K và bà H tiếp tục trả thêm được 437.000.000 tiền lãi cho số tiền vay 1.760.000.000 đồng; tổng cộng, tổng số tiền lãi ông K đã trả cho bà S tính đến ngày 30/12/2019 (Âm lịch) là 807.800.000 đồng.

[4.1] Tiền gốc và tiền lãi đối với các khoản vay mà ông K có nghĩa vụ trả cho bà S và ông H (Không bao gồm khoản vay 300.000.000 đồng ngày 29/7/2018 Âm lịch):

Tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày 30/12/2019 (Âm lịch) như sau:

- Khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 14/02/2018 (Âm lịch), tổng cộng 681 ngày:  $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 681 \text{ ngày} = 37.318.800 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay 110.000.000 đồng vào ngày 02/3/2018 (Âm lịch), tổng cộng 663 ngày:  $110.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 663 \text{ ngày} = 19.982.800 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay 150.000.000 đồng vào ngày 12/3/2018 (Âm lịch), tổng cộng 673 ngày:  $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 673 \text{ ngày} = 27.660.300 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay 300.000.000 đồng vào ngày 04/02/2019 (Âm lịch), tổng cộng 326 ngày:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 326 \text{ ngày} = 26.797.200 \text{ đồng}$ .

- Khoản vay 700.000.000 đồng vào ngày 08/7/2019 (Âm lịch), tổng cộng 172 ngày:  $700.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 172 \text{ ngày} = 32.989.600 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng tiền lãi phải trả đối với các khoản vay nói trên tính đến ngày 30/12/2019 (Âm lịch): 144.748.700 đồng.

Tổng số tiền lãi vượt được trừ vào tổng số tiền vay gốc:  $(807.800.000 \text{ đồng} - 99.000.000 \text{ đồng}) - 144.748.700 \text{ đồng} = 564.051.300 \text{ đồng}$  (99.000.000 đồng là tiền lãi ông Khoa đã trả đối với khoản vay ngày 29/7/2018 Âm lịch)

Tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 30/12/2019 (Âm lịch) tức ngày 24/01/2020 (Dương lịch):  $(1.760.000.000 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng}) - 564.051.300 \text{ đồng} = 895.948.700 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi chậm trả từ ngày 30/12/2019 (Âm lịch) tức ngày 24/01/2020 (Dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2020 (Dương lịch), tổng cộng 216 ngày theo số dư nợ gốc 895.948.700 đồng:  $895.948.700 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 216 \text{ ngày} = 53.025.900 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông K có nghĩa vụ phải trả cho bà S và ông H: 948.974.600 đồng (Tiền gốc: 895.948.700 đồng + Tiền lãi: 53.025.900 đồng).

[4.2] Tiền gốc và tiền lãi đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 29/7/2018 (Âm lịch) mà ông K và bà H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà S và ông H:

Tiền lãi vay tính từ ngày vay 29/7/2018 (Âm lịch) cho đến ngày 30/12/2019 (Âm lịch), tổng cộng 516 ngày:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 516 \text{ ngày} = 42.415.200 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi vượt được trừ vào tổng số tiền vay gốc:  $99.000.000 \text{ đồng} - 42.415.200 \text{ đồng} = 56.584.800 \text{ đồng}$ .

Tiền nợ gốc tính đến ngày 30/12/2019 (Âm lịch) tức ngày 24/01/2020 (Dương lịch):  $300.000.000 \text{ đồng} - 56.584.800 \text{ đồng} = 243.415.200 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi chậm trả từ ngày 30/12/2019 (Âm lịch) tức ngày 24/01/2020 (Dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 31/8/2020 (Dương lịch), tổng cộng 216 ngày theo số dư nợ gốc 243.415.200 đồng:  $243.415.200 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 216 \text{ ngày} = 14.406.300 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông K và bà H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà S và ông H đối với khoản vay 300.000.000 đồng vào ngày 29/7/2018 (Âm lịch) là: 257.821.500 đồng (Tiền gốc: 243.415.200 đồng + Tiền lãi: 14.406.300 đồng).

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 105 và Điều 115 Bộ luật dân sự; Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 và Công văn số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về thẩm quyền giải quyết các yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản; do đó, yêu cầu của ông K và bà H về việc đề nghị Tòa án buộc bà S trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02650/QSDĐ.I5 ngày 30/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) đã cấp cho ông K và bà H là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tuy nhiên, thực tế khi vay tiền, ông K có giao cho bà S bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để làm tin và hai bên không có lập hợp đồng thế chấp theo quy định nhưng để đảm bảo tính ổn định và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và bà H; buộc bà S và ông H có nghĩa vụ trả lại cho ông K và bà H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02650/QSDĐ.I5 ngày 30/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) đã cấp cho ông K và bà H.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn K phải chịu:  $36.000.000 \text{ đồng} + 03\% \times (948.974.600 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 40.468.400 \text{ đồng}$ .



- Ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H liên đới phải chịu: 257.821.500 đồng x 5% = 12.891.000 đồng.

- Bà Phạm Thị S không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà S 16.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001274 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

[6.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Đặng Văn K không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001357 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Bà Võ Thị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001358 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

[7] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 105, Điều 115, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 16 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Công văn số 141/TANDTC-KHXX ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về thẩm quyền giải quyết các yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Buộc ông Đặng Văn K có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H số tiền: 948.974.600 đồng (Trong đó, tiền gốc: 895.948.700 đồng + Tiền lãi: 53.025.900 đồng)

2. Buộc ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Sanh và ông Nguyễn Thành H số tiền: 257.821.500 đồng (Trong đó, tiền gốc: 243.415.200 đồng + Tiền lãi: 14.406.300 đồng).

3. Bác yêu cầu của ông Đặng Văn K xin được trả dần tiền vay mỗi tháng 10.000.000 đồng và không tính lãi chậm trả vì không phù hợp với quy định pháp luật và không được bà Phạm Thị S chấp nhận.

4. Buộc bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02650/QSDD.I5 ngày 30/9/2008 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định) đã cấp cho ông K và bà H.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn K phải chịu: 40.468.400 đồng.
- Ông Đặng Văn K và bà Võ Thị H liên đới phải chịu: 12.891.000 đồng.
- Bà Phạm Thị S không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà S 16.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001274 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Đặng Văn K không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001357 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.
- Bà Võ Thị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001358 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Hiệu lực Bản án phúc thẩm: “Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án”.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Xuân H**